Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 1

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Bùi Dương Anh	120001	8.8	6.5	6.5	7.75			**23.1**	8	THS	12C2
2	Trịnh Khánh Huyền	120002	8.2	4.5	7.5	8.25			**24**	4	THS	12C2
3	Đỗ Thị Minh Anh	120003	8	7	7.25			5.2	**22.3**	38	TLH	12C4
4	Đỗ Xuân Đạt	120004	8	6.75	6			6.4	**21.2**	54	TLA	12C4
5	Nguyễn Vĩnh Khang	120005	8	7	6.25			6.6	**21.6**	43	TLA	12C1
6	Cao Ngọc Mạnh	120006	6	4.5	3.5			5	**15.5**	166	TLA	12C8
7	Trịnh Hoài Nam	120007	7.2	5.5	5			5.8	**18.5**	128	TLA	12C6
8	Trần Quang Phát	120008	8.6	5.5	6.25			7.4	**22.3**		THA	12C1
9	Nguyễn Tiến Thịnh	120009	6.6	3	3			6	**15.6**	165	TLA	12C8
10	Nguyễn Tiến Hòa	120010	4.2		4.5			6	**14.7**			12C9
11	Nguyễn Khánh Linh	120011	7.4		7			4	**18.4**			12C4
12	Doãn Phương Anh	120012	7.4		5.75	7.5			**20.7**	10	THS	12C4
13	Nguyễn Thị Chúc	120013	7.6		7.5	8.75			**23.9**	5	THS	12C4
14	Trịnh Hữu Đức	120014	8.6		6.75	8.5			**23.9**	5	THS	12C4
15	Lê Kim Hằng	120015	8.6		7	8.75			**24.4**	2	THS	12C3
16	Phan Thị Hanh	120016	9.2		8.5	9.5			**27.2**	1	THS	12C3
17	Đỗ Huy Hoàng	120017	6.2		6.75	8			**21**	9	THS	12C4
18	Đàm Hoàng Lĩnh	120018	7.8		6.75	9			**23.6**	7	THS	12C2
19	Nguyễn Thanh Phong	120019	7.6		8.75	7.75			**24.1**	3	THS	12C4
20	Trịnh Huyền Trang	120020	7.8		5.5	7			**20.3**	11	THS	12C1
21	Bùi Minh An	120021	8.2	7.25	8.5				**24**	14	TLH	12C1
22	Đỗ Thị Vi Anh	120022	8	7	7.25				**22.3**	38	TLH	12C1
23	Lê Ngọc Tuấn Anh	120023	7.6	4.75	7.25				**19.6**	81	TLH	12C1
24	Lương Huy Anh	120024	6.2	4.5	6.75				**17.5**	96	TLH	12C6

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 2

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Đặng Tuấn Anh	120025	8.2	7	8				**23.2**	27	TLH	12C1
2	Nguyễn Hoàng Anh	120026	8.8	7.25	6.25				**22.3**	37	TLH	12C2
3	Nguyễn Hoàng Anh	120027	7.6	6.25	6.75				**20.6**	64	TLH	12C4
4	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	120028	5.6	5.5	4				**15.1**	103	TLH	12C4
5	Nguyễn Tuấn Anh	120029	9.4	7.5	7.25				**24.2**	11	TLH	12C3
6	Phạm Trung Anh	120030	8.4	8.5	7.25				**24.2**	11	TLH	12C1
7	Phùng Ngọc Anh	120031	7.6	6.5	6.5				**20.6**	64	TLH	12C4
8	Dương Thị Ngọc Ánh	120032	8.8	6.75	6.5				**22.1**	45	TLH	12C1
9	Cao Viết Chung	120033	8.2	6.25	7.25				**21.7**	49	TLH	12C4
10	Nguyễn Thành Chung	120034	9.6	8	8				**25.6**	6	TLH	12C3
11	Đỗ Quốc Cường	120035	7.2	7	6.5				**20.7**	63	TLH	12C1
12	Lê Đình Cường	120036	6.4	6.25	6				**18.7**	88	TLH	12C1
13	Nguyễn Thái Cường	120037	6.6	6.75	6.75				**20.1**	72	TLH	12C4
14	Lê Viết Đạt	120038	8.6	8.25	6.75				**23.6**	21	TLH	12C1
15	Hoàng Mạnh Đức	120039	8.6	6.5	7				**22.1**	42	TLH	12C2
16	Lê Minh Đức	120040	9.2	6.5	7.75				**23.5**	24	TLH	12C3
17	Vũ Linh Đức	120041	7.2	5.75	6				**19**	85	TLH	12C1
18	Nguyễn Lê Mỹ Dung	120042							**0**	109	TLH	12C3
19	Nguyễn Sỹ Dũng	120043	7.2	6.25	5.75				**19.2**	84	TLH	12C4
20	Quách Trí Dũng	120044	4.8	2.75	3.75				**11.3**	108	TLH	12C8
21	Trịnh Quốc Dũng	120045	8.4	6	6.75				**21.2**	56	TLH	12C1
22	Trịnh Việt Dũng	120046	7.4	5	5				**17.4**	97	TLH	12C3
23	Chu Hoàng Dương	120047	9.4	9.25	8.25				**26.9**	2	TLH	12C1
24	Hoàng Ánh Dương	120048	9	9	9				**27**	1	TLH	12C1

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 3

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Minh Dương	120049	8.8	6.75	8				**23.6**	22	TLH	12C2
2	Trịnh Quang Dương	120050	7.6	6.75	7.25				**21.6**	52	TLH	12C1
3	Nguyễn Anh Duy	120051	8.8	7	5.75				**21.6**	53	TLH	12C2
4	Hoàng Hương Giang	120052	6.6	5.75	5.25				**17.6**	95	TLH	12C2
5	Nguyễn Văn Hải	120053	8	6	6.75				**20.8**	61	TLH	12C2
6	Nguyễn Văn Hải	120054	6	5.75	4.5				**16.3**	101	TLH	12C7
7	Lê Việt Hằng	120055	7.8	5	5.75				**18.6**	89	TLH	12C1
8	Dương Đình Hiệp	120056	8.4	5.5	6.5				**20.4**	67	TLH	12C1
9	Nguyễn Duy Hiếu	120057	7.8	7.75	7				**22.6**	35	TLH	12C2
10	Nguyễn Minh Hiếu	120058	8	6.5	5.5				**20**	75	TLH	12C2
11	Nguyễn Sỹ Hòa	120059	8.8	8	6.5				**23.3**	26	TLH	12C2
12	Lê Việt Hoàng	120060	8.2	6.5	7				**21.7**	49	TLH	12C2
13	Nguyễn Kim Hoàng	120061	7.2	7	5.75				**20**	77	TLH	12C4
14	Dương Thị Hồng	120062	6	5.25	5.75				**17**	100	TLH	12C4
15	Nguyễn Hữu Hợp	120063	8.8	7.5	7.25				**23.6**	22	TLH	12C2
16	Lê Huy Hùng	120064	7.6	6	6.5				**20.1**	72	TLH	12C2
17	Nguyễn Anh Hùng	120065	8.4	6.5	7.5				**22.4**	36	TLH	12C2
18	Chu Đình Hưng	120066	7.4	3.25	7				**17.7**	94	TLH	12C8
19	Lê Minh Hưng	120067	9.2	7	7.75				**24**	14	TLH	12C3
20	Nguyễn Hữu Giao Huy	120068	7.8	7.5	7.75				**23.1**	30	TLH	12C1
21	Phạm Quốc Huy	120069	7	6.25	4.5				**17.8**	92	TLH	12C3
22	Bùi Khắc Tuấn Khải	120070	8.8	8	7				**23.8**	18	TLH	12C3
23	Đỗ Việt Khánh	120071	8.2	6.75	7				**22**	46	TLH	12C4
24	Hoàng Trung Kiên	120072	8.4	7	8.25				**23.7**	20	TLH	12C1

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 4

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Trịnh Bá Lâm	120073	8.2	7.5	7.5				**23.2**	27	TLH	12C4
2	Nguyễn Hữu Linh	120074	8.2	6.25	5				**19.5**	82	TLH	12C2
3	Trịnh Hồng Linh	120075	7.4	6.25	6.25				**19.9**	79	TLH	12C1
4	Nguyễn Hữu Lộc	120076	4.8	3.5	5.5				**13.8**	106	TLH	12C1
5	Hoàng Nguyễn Hải Long	120077	8	5	5.75				**18.8**	86	TLH	12C1
6	Nguyễn Đức Long	120078	8.4	7.75	7.75				**23.9**	16	TLH	12C1
7	Tống Khánh Ly	120079	8	6.25	5.75				**20**	75	TLH	12C1
8	Bùi Công Minh	120080	8.4	7.5	6.75				**22.7**	34	TLH	12C2
9	Nguyễn Đức Minh	120081	7.2	3.5	6.5				**17.2**	99	TLH	12C1
10	Nguyễn Văn Minh	120082	9.2	7	7.5				**23.7**	19	TLH	12C2
11	Nguyễn Đăng Mưu	120083	8.2	6	6				**20.2**	70	TLH	12C8
12	Nguyễn Trà My	120084	7.2	5.5	6				**18.7**	87	TLH	12C2
13	Lê Xuân Hoài Nam	120085	8.2	7.75	6.25				**22.2**	40	TLH	12C4
14	Nguyễn Đức Nam	120086	9.4	9	7.75				**26.2**	3	TLH	12C1
15	Lê Đình Phong	120087	8.4	7.5	5.75				**21.7**	51	TLH	12C3
16	Lê Thanh Phong	120088	9.6	7.25	8				**24.9**	7	TLH	12C2
17	Nguyễn Ngọc Phong	120089	6.8	6.5	6.75				**20.1**	74	TLH	12C7
18	Bùi Sỹ Quang Phú	120090	8.8	8.25	7.5				**24.6**	9	TLH	12C1
19	Đào Minh Phúc	120091	8.6	7.5	8.25				**24.4**	10	TLH	12C1
20	Dương Thị Lan Phương	120092	9.4	7.5	5				**21.9**	47	TLH	12C2
21	Dương Thị Thúy Quỳnh	120093	9.6	6.5	6.75				**22.9**	31	TLH	12C2
22	Nguyễn Thị Quỳnh	120094	7.8	6	7.25				**21.1**	58	TLH	12C4
23	Nguyễn Thị Như Quỳnh	120095	8.6	6.25	7.25				**22.1**	42	TLH	12C2
24	Nguyễn Việt Sơn	120096	8.4	6.25	6.25				**20.9**	60	TLH	12C3

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 5

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Phạm Thị Thắm	120097	8.4	7.75	7.75				**23.9**	16	TLH	12C2
2	Nguyễn Hữu Thắng	120098	7.8	6.75	6				**20.6**	66	TLH	12C1
3	Tào Văn Thắng	120099	9	6.5	7.25				**22.8**	33	TLH	12C2
4	Trần Chiến Thắng	120100	8.2	7.5	7.5				**23.2**	27	TLH	12C4
5	Đàm Khắc Thanh	120101	8.4	5.5	6				**19.9**	79	TLH	12C2
6	Trần Nhật Thành	120102	8.4	7.5	6.25				**22.2**	41	TLH	12C2
7	Lê Phương Thảo	120103	8.4	6.25	6.5				**21.2**	56	TLH	12C3
8	Đinh Hữu Thuận	120104	7	6	4.25				**17.3**	98	TLH	12C11
9	Lê Thủy Tiên	120105	8.8	7	5.5				**21.3**	54	TLH	12C2
10	Lê Trung Tiến	120106	6.4	5.5	7.5				**19.4**	83	TLH	12C1
11	Lê Ngọc Toản	120107	7.8	6	7.25				**21.1**	58	TLH	12C4
12	Dương Thị Hiền Trang	120108	9	7.5	9.25				**25.8**	5	TLH	12C2
13	Nguyễn Thị Trang	120109	9.4	8	6.75				**24.2**	11	TLH	12C1
14	Trần Thị Hồng Trang	120110	7.2	4.75	2.5				**14.5**	104	TLH	12C4
15	Trần Thùy Trang	120111	8.2	5.5	6.25				**20**	77	TLH	12C2
16	Bùi Anh Tú	120112	5.6	4.5	8				**18.1**	90	TLH	12C7
17	Đoàn Thanh Tuấn	120113	8.6	7.5	6.75				**22.9**	31	TLH	12C1
18	Dương Bá Tuấn	120114	8.6	7.75	5.75				**22.1**	42	TLH	12C4
19	Nguyễn Khánh Tùng	120115	7.6	5	5.5				**18.1**	90	TLH	12C1
20	Trương Minh Tuyên	120116	8.6	5.5	6.25				**20.4**	68	TLH	12C2
21	Hà Long Việt	120117	9.6	7.5	7.5				**24.6**	8	TLH	12C2
22	Hoàng Bùi Đức Việt	120118	7.6	4	4.25				**15.9**	102	TLH	12C3
23	Đoàn Thành Vinh	120119	9.2	6.25	8				**23.5**	24	TLH	12C2
24	Mai Hà Vy	120120	9.2	8.5	8.25				**26**	4	TLH	12C3

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 6

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Hoàng An	120121	5.6	2				7.4	**15**	169	TLA	12C6
2	Nguyễn Thúy An	120122	7	5.25				6.8	**19.1**	118	TLA	12C12
3	Phạm Hồng An	120123	8.2	6				6.8	**21**	59	TLA	12C1
4	Bùi Phương Anh	120124	8.4	4.75				8	**21.2**	54	TLA	12C8
5	Hồ Đức Anh	120125	8	4.25				7.2	**19.5**	111	TLA	12C6
6	Lê Đức Anh	120126	8	4.75				6.4	**19.2**	114	TLA	12C7
7	Lê Đức Anh	120127	7.8	5				7	**19.8**	102	TLA	12C7
8	Lê Quỳnh Anh	120128	7.6	4.75				8.4	**20.8**	69	TLA	12C7
9	Lê Thị Hải Anh	120129	8	6.25				7.6	**21.9**	38	TLA	12C8
10	Ngô Quốc Anh	120130	8.4	4.5				7.8	**20.7**	71	TLA	12C8
11	Nguyễn Gia Việt Anh	120131	7.4	5.25				4.4	**17.1**	150	TLA	12C8
12	Nguyễn Hải Anh	120132	8.4	6.25				7.4	**22.1**	35	TLA	12C5
13	Nguyễn Lương Hoàng Anh	120133	7.8	7				5.4	**20.2**	88	TLA	12C7
14	Nguyễn Mai Anh	120134	8.8	5.75				8.6	**23.2**	19	TLA	12C3
15	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	120135	6.4	5.75				4.8	**17**	152	TLA	12C5
16	Nguyễn Tiến Anh	120136	9.4	7.75				7	**24.2**	12	TLA	12C5
17	Vũ Thị Quỳnh Anh	120137	7.4	5				7.6	**20**	96	TLA	12C6
18	Hồ Thị Ngọc Ánh	120138	7.4	6.5				6.4	**20.3**	84	TLA	12C5
19	Nguyễn Ngọc Bằng	120139	6.6	7.5				5.8	**19.9**	99	TLA	12C5
20	Hoàng Thiện Cầm	120140	7.6	7.25				7.2	**22.1**	35	TLA	12C7
21	Lê Linh Chi	120141	8.4	7.5				6.4	**22.3**	27	TLA	12C6
22	Lê Linh Chi	120142	6.2	5.75				6.4	**18.4**	130	TLA	12C7
23	Ngô Sỹ Công	120143	7.8	5.5				4.8	**18.1**	137	TLA	12C1
24	Vũ Lê Cử	120144	8.6	5				8.6	**22.2**	32	TLA	12C7

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 7

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Đinh Xuân Cường	120145	7.8	5				7.6	**20.4**	78	TLA	12C6
2	Hoàng Quốc Cường	120146	6.8	5.25				7.4	**19.5**	110	TLA	12C5
3	Nguyễn Hùng Cường	120147	7.6	7.5				6.6	**21.7**	40	TLA	12C6
4	Nguyễn Quốc Cường	120148	8	4.5				6.6	**19.1**	117	TLA	12C7
5	Nguyễn Viết Đạt	120149	7.2	6.25				6.4	**19.9**	100	TLA	12C8
6	Phạm Trọng Đạt	120150	7	5.75				7.6	**20.4**	81	TLA	12C5
7	Trần Đỗ Đạt	120151	7.8	5.75				4.8	**18.4**	130	TLA	12C5
8	Hà Mỹ Dung	120152	7.8	6.75				6.4	**21**	62	TLA	12C5
9	Nguyễn Tiến Dũng	120153	7.4	5				6.8	**19.2**	113	TLA	12C5
10	Cao Thị Dương	120154	7.8	6.75				5.8	**20.4**	81	TLA	12C8
11	Hoàng Thái Dương	120155	6.2	6				8.4	**20.6**	75	TLA	12C10
12	Lê Thị Thùy Dương	120156	9	6.75				5	**20.8**	69	TLA	12C6
13	Nguyễn Thùy Dương	120157	8.4	5.5				6.4	**20.3**	84	TLA	12C8
14	Lê Thị Minh Duyên	120158	7.4	7.5				7.4	**22.3**	27	TLA	12C4
15	Lê Hương Giang	120159	8.8	5.75				7.6	**22.2**	33	TLA	12C5
16	Lê Thị Linh Giang	120160	9.2	8.25				8.6	**26.1**	1	TLA	12C7
17	Nguyễn Thu Hà	120161	8.6	8.25				8.6	**25.5**	2	TLA	12C7
18	Phạm Quang Hà	120162	8	5.5				5.8	**19.3**	112	TLA	12C3
19	Doãn Thị Minh Hằng	120163	7.8	5.75				6.6	**20.2**	91	TLA	12C6
20	Nguyễn Thị Hạnh	120164	8.4	6				6.8	**21.2**	52	TLA	12C5
21	Nguyễn Thị Hậu	120165	7.4	5.25				6	**18.7**	125	TLA	12C8
22	Nguyễn Thị Kim Hậu	120166	7.6	6				7	**20.6**	75	TLA	12C7
23	Hà Thị Thu Hiền	120167	8.6	6.5				6.6	**21.7**	40	TLA	12C5
24	Hoàng Thị Hiền	120168	8	6.75				6.2	**21**	63	TLA	12C2

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 8

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Ninh Quốc Hiệp	120169	7	4				5.4	**16.4**	157	TLA	12C8
2	Vương Xuân Hiệp	120170	8.4	6.5				6.4	**21.3**	50	TLA	12C5
3	Lê Trung Hiếu	120171	8.8	7.75				6.4	**23**	21	TLA	12C7
4	Nguyễn Lê Trung Hiếu	120172	7.6	6.25				5.8	**19.7**	104	TLA	12C11
5	Nguyễn Thị Hoa	120173	6.6	5.25				6.6	**18.5**	129	TLA	12C3
6	Đặng Đức Hoàng	120174	8	4.25				7.8	**20.1**	95	TLA	12C3
7	Lê Việt Hoàng	120175	8.2	5.25				8	**21.5**	46	TLA	12C2
8	Lê Vũ Hoàng	120176	6.4	4				7	**17.4**	148	TLA	12C7
9	Đỗ Thành Hưng	120177	7.2	4				6	**17.2**	149	TLA	12C8
10	Lại Lê Hưng	120178	8	4.25				6.8	**19.1**	118	TLA	12C7
11	Lê Tuấn Hưng	120179	8.8	8				8.4	**25.2**	4	TLA	12C3
12	Nguyễn Thị Hương	120180	8	7.5				7	**22.5**	25	TLA	12C8
13	Hà Minh Huy	120181	8.6	7.75				8.6	**25**	6	TLA	12C6
14	Hàn Lâm Huy	120182	8	6.75				8	**22.8**	22	TLA	12C3
15	Lê Văn Huy	120183	7.6	4.5				6.6	**18.7**	124	TLA	12C3
16	Phạm Quang Huy	120184	8.2	4.5				5.4	**18.1**	137	TLA	12C3
17	Phạm Xuân Huy	120185	7.6	5.5				9.2	**22.3**	29	TLA	12C6
18	Vũ Khắc Huy	120186	7.8	6.75				7.6	**22.2**	33	TLA	12C6
19	Nguyễn Ngọc Khang	120187	7.8	5				8.2	**21**	59	TLA	12C1
20	Dương Văn Khánh	120188	7.8	6.25				7.2	**21.3**	51	TLA	12C2
21	Nguyễn Thị Khánh	120189	8.2	5.75				4.4	**18.4**	130	TLA	12C8
22	Nguyễn Đăng Khoa	120190	7.4	6.75				7.2	**21.4**	49	TLA	12C6
23	Đàm Trung Kiên	120191	6.4	5.5				6.2	**18.1**	137	TLA	12C5
24	Lê Đình Lâm	120192	6.8	7				3.8	**17.6**	146	TLA	12C6

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 9

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Đình Phúc Lâm	120193	6.2	4.75				5.2	**16.2**	160	TLA	12C5
2	Nguyễn Tùng Lâm	120194	8.4	6.5				7	**21.9**	37	TLA	12C3
3	Dương Khánh Linh	120195	9	4.25				4.2	**17.5**	147	TLA	12C5
4	Dương Thị Chúc Linh	120196	7.4	6.5				7	**20.9**	64	TLA	12C4
5	Dương Thị Thùy Linh	120197	7.6	5.5				7.8	**20.9**	64	TLA	12C5
6	Hà Khánh Linh	120198	8.8	5				6.6	**20.4**	78	TLA	12C3
7	Lê Thị Linh	120199	9.4	7				7.8	**24.2**	10	TLA	12C3
8	Lê Thùy Linh	120200	9.6	7.75				6	**23.4**	16	TLA	12C5
9	Lê Thùy Linh	120201	7.4	6				6.6	**20**	96	TLA	12C6
10	Lê Thùy Linh	120202	8.6	7.5				7.4	**23.5**	14	TLA	12C7
11	Mai Thùy Linh	120203	7.4	5				4.4	**16.8**	155	TLA	12C7
12	Nguyễn Tuấn Linh	120204	8.4	7				5.2	**20.6**	75	TLA	12C7
13	Phạm Thùy Linh	120205	8	7				9.4	**24.4**	8	TLA	12C12
14	Nguyễn Hoàng Long	120206	8	3.75				4.6	**16.4**	158	TLA	12C2
15	Nguyễn Thành Long	120207	7.2	3.25				6.6	**17.1**	151	TLA	12C7
16	Bùi Lê Ngọc Mai	120208	9.2					6.6	**15.8**	164	TLA	12C10
17	Lê Ngọc Mai	120209	7	4.75				7.4	**19.2**	114	TLA	12C7
18	Nguyễn Ngọc Mai	120210	8	6				4.8	**18.8**	123	TLA	12C6
19	Trịnh Thị Ngọc Mai	120211	8	6.5				6.6	**21.1**	58	TLA	12C6
20	Hoàng Anh Minh	120212	7.2	6				7.6	**20.8**	68	TLA	12C4
21	Lê Anh Minh	120213	5.6	3.5				7.2	**16.3**	159	TLA	12C5
22	Lê Hải Minh	120214	8.6	5.5				5.4	**19.5**	106	TLA	12C7
23	Nguyễn Đăng Nhật Minh	120215	7.4	6.25				7	**20.7**	73	TLA	12C7
24	Nguyễn Lữ Anh Minh	120216	8.2	5.75				5.8	**19.8**	103	TLA	12C3

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 10

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Quang Minh	120217	4.6	1.75				6.4	**12.8**	173	TLA	12C11
2	Nguyễn Tuấn Minh	120218	7.4	5.75				8	**21.2**	54	TLA	12C7
3	Trần Bình Minh	120219	6.6	4.25				6	**16.9**	153	TLA	12C8
4	Trần Đức Minh	120220	8	4				6.2	**18.2**	135	TLA	12C1
5	Vũ Đặng Tường Minh	120221	7.6	5.25				5.4	**18.3**	134	TLA	12C3
6	Hoàng Hà My	120222	8.4	7.75				9.2	**25.4**	3	TLA	12C7
7	Lê Thị Trà My	120223	9	7.25				8.6	**24.9**	7	TLA	12C10
8	Nguyễn Trà My	120224	8	3.25				5.4	**16.7**	156	TLA	12C3
9	Lê Hoài Nam	120225	8	6.5				8.2	**22.7**	23	TLA	12C3
10	Lê Thị Hằng Nga	120226	8	6.5				7	**21.5**	44	TLA	12C11
11	Nguyễn Thị Thanh Ngân	120227	6.6	5.75				6.2	**18.6**	127	TLA	12C6
12	Phạm Minh Nguyệt	120228	7.8	7				6	**20.8**	67	TLA	12C4
13	Võ Minh Nhật	120229	8.6	7.75				7.8	**24.2**	11	TLA	12C5
14	Nguyễn Lâm Nhi	120230	6.4	3				6.6	**16**	161	TLA	12C6
15	Nguyễn Thị Hồng Nhung	120231	6.8	4				5.2	**16**	161	TLA	12C6
16	Nguyễn Kỳ Phong	120232	7.2	3.75				6.8	**17.8**	145	TLA	12C8
17	Nguyễn Ngọc Anh Phong	120233	8	4.75				5.6	**18.4**	130	TLA	12C3
18	Nguyễn Lương Phú	120234	6.4	3				5.8	**15.2**	168	TLA	12C3
19	Nguyễn Hà Phượng	120235	9	6.25				8.2	**23.5**	15	TLA	12C5
20	Trịnh Thị Mai Phượng	120236	8	7.25				7	**22.3**	30	TLA	12C6
21	Lại Anh Quân	120237	7.6	6.75				7.4	**21.8**	39	TLA	12C7
22	Lê Anh Quân	120238	7	3.25				4.4	**14.7**	170	TLA	12C8
23	Ngô Anh Quân	120239	8.4	4.5				7.2	**20.1**	92	TLA	12C3
24	Khương Hải Quang	120240	8.4	6.5				7.8	**22.7**	23	TLA	12C7

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 11

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Chu Hồng Quý	120241	6.4	6.5				7.4	**20.3**	84	TLA	12C5
2	Hàn Quý Quyền	120242	8.6	6.5				5	**20.1**	92	TLA	12C8
3	Nguyễn Hương Quỳnh	120243	8.2	5				7.2	**20.4**	78	TLA	12C7
4	Phạm Thị Diễm Quỳnh	120244	6.2	6.25				8.2	**20.7**	73	TLA	12C5
5	Ngô Văn Sang	120245	8.4	6				3.6	**18**	140	TLA	12C8
6	Nguyễn Anh Sơn	120246	5.4	4				4.2	**13.6**	171	TLA	12C8
7	Hoàng Anh Tài	120247	7.2	6				5.4	**18.6**	126	TLA	12C3
8	Lê Thị Thanh Tâm	120248	7.8	5.25				6.8	**19.9**	100	TLA	12C6
9	Phan Thị Tâm	120249	7.8	7.75				7.8	**23.4**	16	TLA	12C5
10	Lê Minh Tân	120250	7.4	4.75				6	**18.2**	136	TLA	12C7
11	Vũ Nhật Tân	120251	9	7.25				6.8	**23.1**	20	TLA	12C7
12	Trần Đức Thắng	120252	8	5.75				5.4	**19.2**	114	TLA	12C3
13	Cao Việt Thành	120253	8.8	7.5				7	**23.3**	18	TLA	12C8
14	Lê Thị Thảo	120254	7.2	5.75				5	**18**	142	TLA	12C8
15	Nguyễn Trịnh Minh Thi	120255	7	7				5.6	**19.6**	105	TLA	12C4
16	Lê Tiến Thịnh	120256	7.4	5.75				4.8	**18**	142	TLA	12C8
17	Lê Vạn Thọ	120257	7.8	5.25				5.8	**18.9**	121	TLA	12C6
18	Phạm Thị Thu	120258	8	7				6.2	**21.2**	52	TLA	12C5
19	Bùi Minh Thư	120259	7.8	5.75				7.6	**21.2**	54	TLA	12C8
20	Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư	120260	9.2	7.5				7.6	**24.3**	9	TLA	12C6
21	Nguyễn Thị Thu Thủy	120261	7.6	5.25				7.4	**20.3**	87	TLA	12C11
22	Đỗ Ngọc Toàn	120262	7	5.25				6.6	**18.9**	121	TLA	12C6
23	Nguyễn Thị Trâm	120263	7	5.5				7	**19.5**	106	TLA	12C8
24	Hoàng Thị Thu Trang	120264	8.6	5.5				5.4	**19.5**	106	TLA	12C7

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 12

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Hà Trang	120265	7.2	6				7	**20.2**	89	TLA	12C6
2	Lê Huyền Trang	120266	8.6	6.25				7.4	**22.3**	30	TLA	12C5
3	Nguyễn Hoàng Thu Trang	120267	8	6.5				5.6	**20.1**	92	TLA	12C7
4	Nguyễn Thị Trang	120268	8.6	8.25				8.2	**25.1**	5	TLA	12C5
5	Trần Hoài Trang	120269	7.8	7				6.2	**21**	59	TLA	12C6
6	Nguyễn Cao Trường	120270	8.2	3.75				6	**18**	142	TLA	12C5
7	Hàn Việt Anh Tú	120271	8.2	6.5				6.2	**20.9**	64	TLA	12C8
8	Lê Cẩm Tú	120272	8.4	6				7	**21.4**	48	TLA	12C7
9	Lê Việt Tú	120273	8.2	7.5				6	**21.7**	40	TLA	12C7
10	Nguyễn Thế Tư	120274	7	3.25				2	**12.3**	174	TLA	12C8
11	Lê Anh Tuấn	120275	6.6	5.5				7.4	**19.5**	106	TLA	12C3
12	Lê Anh Tuấn	120276	8.2	5				4.8	**18**	140	TLA	12C8
13	Nguyễn Minh Tuấn	120277	8.2	7.5				5	**20.7**	71	TLA	12C5
14	Lê Minh Tùng	120278	7.4	7				8	**22.4**	26	TLA	12C6
15	Nguyễn Mạnh Tùng	120279	5	3.75				4.4	**13.2**	172	TLA	12C2
16	Nguyễn Ngọc Tùng	120280	6.8	4.25				4.4	**15.5**	167	TLA	12C8
17	Nguyễn Thanh Tùng	120281	8.4	7.25				5.8	**21.5**	46	TLA	12C3
18	Nguyễn Thị Uyên	120282	7	5.5				3.4	**15.9**	163	TLA	12C4
19	Lê Thị Cẩm Vân	120283	7.4	5.75				6.8	**20**	98	TLA	12C5
20	Dương Quốc Việt	120284	7.6	6.25				3	**16.9**	153	TLA	12C4
21	Đặng Đỗ Anh Vũ	120285	6.4	6.75				5.8	**19**	120	TLA	12C6
22	Dương Thị Yến	120286	7.8	6.75				5.8	**20.4**	81	TLA	12C4
23	Ngọ Hải Yến	120287	8.4	7				8.4	**23.8**	13	TLA	12C5

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 13

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lương Hoài An	120288	6.4				8.25	6.6	**21.3**	96	TAV	12C11
2	Nguyễn Khánh An	120289	7.2				8.25	7.4	**22.9**	45	TAV	12C10
3	Nguyễn Thanh An	120290	6.4					8.8	**15.2**	203	TAV	12C10
4	Nguyễn Thúy An	120291	5.6				8	6.8	**20.4**	122	TAV	12C9
5	Phạm Hiếu An	120292	7.8				8	7.6	**23.4**	27	TAV	12C12
6	Trần Từ An	120293	6.2				8	7	**21.2**	97	TAV	12C11
7	Biện Thị Hồng Vân Anh	120294	6.8				8.5	7.6	**22.9**	44	TAV	12C10
8	Cao Ngọc Anh	120295	8.2				7.5	7.4	**23.1**	38	TAV	12C12
9	Đỗ Phương Anh	120296	7.8				7.75	7.6	**23.2**	37	TAV	12C9
10	Dương Thị Ngọc Anh	120297	8.2				8	6	**22.2**	72	TAV	12C12
11	Hoàng Thị Vân Anh	120298	6.8				7.5	5.6	**19.9**	135	TAV	12C10
12	Lê Mai Anh	120299	8.4				8	8.6	**25**	8	TAV	12C12
13	Lê Phương Anh	120300	8.4				8.5	9.6	**26.5**	1	TAV	12C10
14	Lương Quỳnh Anh	120301	7.4				8	8.8	**24.2**	15	TAV	12C12
15	Lương Thị Hoàng Anh	120302	6.6				8	6.2	**20.8**	111	TAV	12C6
16	Lương Thị Mai Anh	120303	8.4				8.5	9	**25.9**	2	TAV	12C12
17	Mai Đức Anh	120304	4.2				7	4.6	**15.8**	198	TAV	12C8
18	Mai Hà Anh	120305	7.4				7	5	**19.4**	145	TAV	12C12
19	Mai Lan Anh	120306	5.8				8	5.4	**19.2**	152	TAV	12C12
20	Nguyễn Dương Hải Anh	120307	7.8				8	6.8	**22.6**	56	TAV	12C7
21	Nguyễn Hoàng Anh	120308	7.2				8	8.6	**23.8**	19	TAV	12C12
22	Nguyễn Minh Anh	120309	7.2				8.5	7	**22.7**	54	TAV	12C10
23	Nguyễn Nam Anh	120310	6.4				8.5	7.2	**22.1**	75	TAV	12C7
24	Nguyễn Thị Tú Anh	120311	7.2				7	6.6	**20.8**	113	TAV	12C11

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 14

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Trâm Anh	120312	7.4				8.25	7.4	**23.1**	41	TAV	12C12
2	Nguyễn Trịnh Minh Anh	120313	8				8	9.4	**25.4**	7	TAV	12C12
3	Nguyễn Vũ Phương Anh	120314	7				7.75	7.8	**22.6**	58	TAV	12C11
4	Tạ Ngọc Anh	120315	6.6				6.5	7.2	**20.3**	127	TAV	12C10
5	Trần Phương Anh	120316	6.4				8.5	7.6	**22.5**	60	TAV	12C9
6	Trần Việt Anh	120317	8.4				7.5	7.4	**23.3**	30	TAV	12C12
7	Trịnh Đức Anh	120318									TLH	12C9
8	Vương Quỳnh Anh	120319	6.6				8.5	8.2	**23.3**	32	TAV	12C9
9	Bùi Anh Ba	120320	8.2				7.5	7	**22.7**	54	TAV	12C11
10	Lê Thị Minh Châu	120321	7.4				8.25	7.6	**23.3**	33	TAV	12C9
11	Cao Trần Đan Chi	120322					7.5		**7.5**	213	TAV	12C7
12	Đỗ Linh Chi	120323	8.2				7	7.4	**22.6**	56	TAV	12C3
13	Lê Thị Linh Chi	120324	7				7.5	5.2	**19.7**	140	TAV	12C9
14	Nguyễn Kim Chi	120325	6				6.25	5	**17.3**	177	TAV	12C10
15	Nguyễn Linh Chi	120326	6.2				7	5.4	**18.6**	161	TAV	12C11
16	Nguyễn Quỳnh Chi	120327	6.6				7.25	7.2	**21.1**	105	TAV	12C9
17	Nguyễn Thị Mai Chi	120328	7.4				8.5	8.6	**24.5**	11	TAV	12C12
18	Trần Mai Chi	120329	8				8.5	6.8	**23.3**	30	TAV	12C12
19	Nguyễn Thị Tú Cơ	120330	7				7.5	7	**21.5**	88	TAV	12C9
20	Lê Huy Thành Đạt	120331	6.2				7.5	7	**20.7**	115	TAV	12C9
21	Đoàn Minh Đức	120332	5.6				5.5	4.6	**15.7**	199	TAV	12C5
22	Trần Minh Đức	120333	4.2				5.5	5.6	**15.3**	202	TAV	12C6
23	Trần Việt Đức	120334	6				7.5	7	**20.5**	119	TAV	12C6
24	Trương Mỹ Dung	120335	8				8.25	5.2	**21.5**	91	TAV	12C9

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 15

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Tuấn Dũng	120336	7.6				7.5	6.8	**21.9**	81	TAV	12C7
2	Nguyễn Thùy Dương	120337	7.6				8	7.8	**23.4**	27	TAV	12C10
3	Nguyễn Thùy Dương	120338	8.2				8	6	**22.2**	72	TAV	12C10
4	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	120339	7					5	**12**	211	TAV	12C12
5	Đinh Hương Giang	120340	6.2				7.25	5.6	**19.1**	153	TAV	12C10
6	Đỗ Hà Giang	120341	4.8				7.25	4.8	**16.9**	183	TAV	12C10
7	Hoàng Hương Giang	120342	7.6				8	7.2	**22.8**	46	TAV	12C12
8	Nguyễn Linh Giang	120343	7.4				7.5	6	**20.9**	107	TAV	12C10
9	Hoàng Ngọc Hà	120344	7.8				8	6.4	**22.2**	70	TAV	12C10
10	Nguyễn Ngọc Hà	120345	7.8				8.25	7	**23.1**	41	TAV	12C12
11	Nguyễn Thị Thu Hà	120346	8.6				8.75	5.2	**22.6**	58	TAV	12C11
12	Nguyễn Thu Hà	120347	7.2				7.75	6.6	**21.6**	87	TAV	12C12
13	Trần Thị Thu Hà	120348	7.4				7.75	5.2	**20.4**	125	TAV	12C8
14	Lê Minh Hằng	120349	9.2				7.75	8.6	**25.6**	5	TAV	12C9
15	Nguyễn Thị Hằng	120350	7.2				7.75	5.4	**20.4**	125	TAV	12C11
16	Phạm Trịnh Thu Hằng	120351	6				8.25	4.4	**18.7**	159	TAV	12C11
17	Nguyễn Thị Hạnh	120352	6.8				8	7.4	**22.2**	70	TAV	12C12
18	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	120353	7.4				8.75	5.2	**21.4**	93	TAV	12C12
19	Trương Mỹ Hạnh	120354	7				8	6.2	**21.2**	97	TAV	12C6
20	Vũ Hồng Hạnh	120355	6.6				7.5	4	**18.1**	168	TAV	12C11
21	Bùi Lê Mai Hiền	120356	6.2				8	7.8	**22**	79	TAV	12C10
22	Lê Thị Thu Hiền	120357	7				7.75	6.8	**21.6**	86	TAV	12C10
23	Lê Thị Hiển	120358	7.8				7.75	7.2	**22.8**	50	TAV	12C11
24	Đinh Quang Hiếu	120359	5.8				7	4.4	**17.2**	178	TAV	12C12

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 16

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Đỗ Thị Hòa	120360	7.8				8.5	7.4	**23.7**	21	TAV	12C10
2	Nguyễn Văn Hội	120361	6.2				7	6.6	**19.8**	139	TAV	12C10
3	Nguyễn Thị Vân Hồng	120362	6.6				8	7	**21.6**	84	TAV	12C8
4	Trần Thị Hồng	120363	7.2				7.5	6.4	**21.1**	101	TAV	12C5
5	Nguyễn Đình Hưng	120364					7.5		**7.5**	213	TAV	12C9
6	Vũ Mai Hương	120365	6.2				7.75	6.6	**20.6**	118	TAV	12C9
7	Lê Thị Hường	120366	8				8	7.4	**23.4**	27	TAV	12C9
8	Vũ Thị Hường	120367	7.4				7.75	7.6	**22.8**	50	TAV	12C12
9	Nguyễn Bá Huy	120368	8				8.25	7.8	**24.1**	17	TAV	12C10
10	Nguyễn Xuân Huy	120369	5.6				7.5	4.6	**17.7**	173	TAV	12C11
11	Nguyễn Thị Huyên	120370	7.8				8.5	6.4	**22.7**	53	TAV	12C9
12	Lê Thanh Huyền	120371	7.2				8.25	7	**22.5**	64	TAV	12C12
13	Trần Thương Huyền	120372	8.4				9	7.2	**24.6**	10	TAV	12C9
14	Vũ Thị Khánh Huyền	120373	7.6				8	5.2	**20.8**	111	TAV	12C9
15	Đinh Gia Khánh	120374	5.4				6.75	3.8	**16**	197	TAV	12C5
16	Lê Ngọc Khánh	120375	5.4				7	7	**19.4**	145	TAV	12C10
17	Nguyễn Thị Khánh	120376	7.4				8	6	**21.4**	92	TAV	12C8
18	Lê Minh Khôi	120377	5.8				6.75	5.2	**17.8**	172	TAV	12C9
19	Phùng Tuấn Khôi	120378	7.6				8.5	7.6	**23.7**	21	TAV	12C9
20	Lê Trung Kiên	120379	3.4				7	5.8	**16.2**	192	TAV	12C6
21	Hồ Hồng Lam	120380	7				8	4.8	**19.8**	138	TAV	12C9
22	Nguyễn Thị Liên	120381	6.8				7.5	6.6	**20.9**	107	TAV	12C5
23	Cao Phương Linh	120382	8.2				8.25	5.8	**22.3**	69	TAV	12C3
24	Đặng Ngọc Thùy Linh	120383	7.2				8.5	6.8	**22.5**	60	TAV	12C9

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 17

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Đỗ Lê Thùy Linh	120384	6.6				8.5	5.4	**20.5**	119	TAV	12C12
2	Hoàng Thị Linh	120385	7.6				8.5	4.8	**20.9**	106	TAV	12C10
3	Lê Khánh Linh	120386	6.8				8.25	5	**20.1**	133	TAV	12C12
4	Lê Khánh Linh	120387	7				8	5.4	**20.4**	122	TAV	12C12
5	Lê Thị Phương Linh	120388	7.2				7.25	6.4	**20.9**	110	TAV	12C9
6	Lê Thị Thùy Linh	120389	6.8				7.5	4.6	**18.9**	154	TAV	12C9
7	Lê Vũ Khánh Linh	120390	4.2				7.25	3	**14.5**	208	TAV	12C11
8	Lương Diệu Linh	120391	7.4				7.5	6.4	**21.3**	94	TAV	12C10
9	Ngô Khánh Linh	120392	7.2				7.5	7.4	**22.1**	75	TAV	12C12
10	Nguyễn Gia Linh	120393	7.4				8.5	6.2	**22.1**	75	TAV	12C11
11	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	120394	8.6				7.75	8	**24.4**	13	TAV	12C12
12	Nguyễn Khánh Linh	120395	7				8.25	4.6	**19.9**	137	TAV	12C9
13	Nguyễn Kim Yến Linh	120396	6.4				7.75	2.8	**17**	182	TAV	12C11
14	Nguyễn Lê Khánh Linh	120397	5.2				7.5	5.2	**17.9**	171	TAV	12C10
15	Nguyễn Thị Thùy Linh	120398	7				7.75	5.8	**20.6**	117	TAV	12C12
16	Nguyễn Vân Linh	120399	7.2				8.5	7.4	**23.1**	38	TAV	12C9
17	Phùng Mai Linh	120400	7.8				8	6.6	**22.4**	66	TAV	12C9
18	Trần Phương Linh	120401	7				8	7.2	**22.2**	72	TAV	12C10
19	Trịnh Thị Khánh Linh	120402	7.4				8	4.8	**20.2**	129	TAV	12C9
20	Trịnh Thị Thùy Linh	120403	6.2				7.75	5.4	**19.4**	149	TAV	12C11
21	Trịnh Thùy Linh	120404	6.4				7.5	3.2	**17.1**	181	TAV	12C4
22	Vũ Thị Hải Linh	120405	7.4				8	4.2	**19.6**	141	TAV	12C12
23	Vũ Thị Hiền Linh	120406	8				8.25	6.2	**22.5**	64	TAV	12C12
24	Vũ Thị Thùy Linh	120407	5.2				8	5.4	**18.6**	161	TAV	12C12

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 18

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Hoàng Long	120408	5				5.5	4.2	**14.7**	207	TAV	12C4
2	Hồ Thị Ngọc Mai	120409	8.6				8	7.8	**24.4**	12	TAV	12C10
3	Nguyễn Quỳnh Mai	120410	8				7.5	5.2	**20.7**	115	TAV	12C3
4	Nguyễn Xuân Mai	120411	8.6				8.25	5.6	**22.5**	62	TAV	12C9
5	Trịnh Ngọc Mai	120412	7.6				8.75	6.8	**23.2**	36	TAV	12C12
6	Lê Hồng Minh	120413	7.6				8	7.2	**22.8**	46	TAV	12C9
7	Nguyễn Thị Bình Minh	120414	4.4				8	4.2	**16.6**	186	TAV	12C10
8	Trương Nhật Minh	120415	5.2				6.5	4.8	**16.5**	188	TAV	12C6
9	Phạm Hà My	120416	6.8				7.25	4.6	**18.7**	159	TAV	12C10
10	Nguyễn Lê Hoàng Nam	120417	5.4				7	2.8	**15.2**	204	TAV	12C10
11	Dương Thị Quỳnh Nga	120418	8.4				8.25	5	**21.7**	83	TAV	12C3
12	Nguyễn Phương Nga	120419	8.8				8	6	**22.8**	46	TAV	12C10
13	Nguyễn Phương Nga	120420	4				8.25	3.2	**15.5**	201	TAV	12C11
14	Phạm Thị Quỳnh Nga	120421	6.4				7.75	8.6	**22.8**	50	TAV	12C12
15	Dương Thị Ngân	120422	7.6				7.75	9	**24.4**	13	TAV	12C10
16	Nguyễn Linh Ngân	120423	5.6				7.5	5.8	**18.9**	154	TAV	12C10
17	Phạm Thanh Ngân	120424	6.4				8	7.2	**21.6**	84	TAV	12C12
18	Vũ Nguyễn Kim Ngân	120425	7.4				7.75	6.6	**21.8**	82	TAV	12C11
19	Mai Thị Bích Ngọc	120426	6				7.5	5.4	**18.9**	154	TAV	12C11
20	Trần Thị Hồng Ngọc	120427	6.8				6.5	6.2	**19.5**	142	TAV	12C2
21	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	120428	7.2				8	6	**21.2**	97	TAV	12C11
22	Lê Minh Nguyệt	120429	9				8	8.6	**25.6**	3	TAV	12C12
23	Hoàng Thị Thanh Nhàn	120430	8				8.25	7	**23.3**	33	TAV	12C10
24	Hoàng Yến Nhi	120431	7.8				8	6.6	**22.4**	66	TAV	12C10

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 19

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Thảo Nhi	120432	8					8.2	**16.2**	192	TAV	12C7
2	Nguyễn Thị Vân Nhi	120433	5.2				6.5	5	**16.7**	185	TAV	12C11
3	Nguyễn Thị Khánh Như	120434	4.8				6	5.4	**16.2**	191	TAV	12C12
4	Lê Thị Nhung	120435	6.6				8.25	3.4	**18.3**	165	TAV	12C11
5	Lê Thị Nhung	120436	6.8				9	7	**22.8**	46	TAV	12C11
6	Lường Thị Nhung	120437	6.2				7	2.8	**16**	196	TAV	12C4
7	Nguyễn Hồng Nhung	120438	8.6				9	6.2	**23.8**	18	TAV	12C10
8	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	120439	7.2				8.5	6.6	**22.3**	68	TAV	12C11
9	Trịnh Hồng Nhung	120440	6.8				8	5.6	**20.4**	122	TAV	12C11
10	Dương Thị Kim Oanh	120441	6.8				7.5	7	**21.3**	94	TAV	12C10
11	Nguyễn Hồng Phúc	120442	5.4				7	4.8	**17.2**	179	TAV	12C3
12	Nguyễn Minh Phúc	120443	6.4				6.5	4.6	**17.5**	175	TAV	12C7
13	Lê Minh Phương	120444									TLH	12C5
14	Lê Việt Phương	120445	8.8				8	8.8	**25.6**	3	TAV	12C7
15	Mai Thị Thu Phương	120446	6.8				8.25	2.4	**17.5**	176	TAV	12C9
16	Nguyễn Lan Phương	120447	7.2				7.75	3.8	**18.8**	158	TAV	12C9
17	Nguyễn Thị Hà Phương	120448	4.6				7	4.6	**16.2**	192	TAV	12C11
18	Nguyễn Thị Thu Phương	120449	5.8				8.25	5.4	**19.5**	144	TAV	12C10
19	Hoàng Thị Đan Phượng	120450	4.8				7	5.8	**17.6**	174	TAV	12C5
20	Lê Anh Quân	120451	7.6				6.5	5.4	**19.5**	142	TAV	12C9
21	Lê Ngọc Quý	120452	5.8				7.75	4.4	**18**	170	TAV	12C7
22	Đàm Như Quỳnh	120453	7.8				8	7.2	**23**	43	TAV	12C12
23	Đỗ Như Quỳnh	120454	5.6				6.5	2.8	**14.9**	206	TAV	12C9
24	Đoàn Như Quỳnh	120455	7.8				7.5	5.8	**21.1**	101	TAV	12C12

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 20

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Thị Quỳnh	120456	8.4				7.5	7.2	**23.1**	38	TAV	12C12
2	Nguyễn Thị Quỳnh	120457	7				8.5	4.4	**19.9**	135	TAV	12C9
3	Tào Trương Phương Quỳnh	120458	4				8	4.6	**16.6**	186	TAV	12C10
4	Trịnh Thanh Tâm	120459	8.2				8	5.8	**22**	79	TAV	12C10
5	Nguyễn Văn Thành	120460	8				7.25	8.4	**23.7**	23	TAV	12C10
6	Đỗ Thị Phương Thảo	120461	7.2				7.5	6.8	**21.5**	88	TAV	12C10
7	Hoàng Phương Thảo	120462	6.8				8.25	7.4	**22.5**	62	TAV	12C9
8	Lê Thị Huyền Thảo	120463	6				7.75	4.4	**18.2**	167	TAV	12C11
9	Ngô Thị Thu Thảo	120464	7.6				8.5	7.4	**23.5**	26	TAV	12C11
10	Trương Phương Thảo	120465	7				7.25	6	**20.3**	128	TAV	12C11
11	Nguyễn Văn Thiện	120466	4.4				6.25	3.6	**14.3**	209	TAV	12C8
12	Trần Thị Thoa	120467	4.8				7.25	3.6	**15.7**	200	TAV	12C4
13	Nguyễn Thị Thơm	120468	7.4				8.75	5	**21.2**	100	TAV	12C9
14	Đoàn Thị Thu	120469	7.4					3.8	**11.2**	212	TAV	12C4
15	Mỵ Thị Phương Thu	120470	8.8				8.25	8.4	**25.5**	6	TAV	12C3
16	Phan Anh Thư	120471	7.2				8	8.6	**23.8**	19	TAV	12C10
17	Lê Thị Huyền Thương	120472	5.4				8	6	**19.4**	145	TAV	12C5
18	Nguyễn Thị Thương	120473	7.4				8.5	4.2	**20.1**	131	TAV	12C9
19	Tạ Vi Thương	120474	4.6				6.75	5	**16.4**	189	TAV	12C11
20	Đặng Ngọc Thúy	120475	7				8.5	5.6	**21.1**	101	TAV	12C12
21	Lương Lệ Thủy	120476	7.4				8	4	**19.4**	145	TAV	12C9
22	Lê Thị Thủy Tiên	120477	7.6				7.75	8.2	**23.6**	25	TAV	12C12
23	Lê Thị Tiếp	120478	5.8				8.25	5.2	**19.3**	151	TAV	12C4
24	Lê Khánh Toàn	120479	5				7.25	4.6	**16.9**	183	TAV	12C12

Trường THPT Hàm Rồng Kỳ thi KSCL lớp 12 theo khối thi THPTQG, Ngày thi: 12.05.2019

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 21

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Thị Thu Trà	120480	4.6				6.75	3.8	**15.2**	205	TAV	12C5
2	Hồ Thị Thùy Trang	120481	7				8.5	5	**20.5**	119	TAV	12C9
3	Hoàng Thị Thu Trang	120482	6.8				7.5	4	**18.3**	163	TAV	12C11
4	Lê Thị Thu Trang	120483	8.2				8.5	7.4	**24.1**	16	TAV	12C10
5	Lê Thị Thu Trang	120484	8.2				8.25	6.8	**23.3**	33	TAV	12C12
6	Nguyễn Phương Trang	120485	6.4				7.5	6.2	**20.1**	131	TAV	12C9
7	Nguyễn Thị Thu Trang	120486	7.2				7.75	5.8	**20.8**	114	TAV	12C11
8	Phạm Hà Trang	120487	7.8				8.25	5.4	**21.5**	90	TAV	12C7
9	Phạm Thu Trang	120488	7.8				8.25	6	**22.1**	78	TAV	12C1
10	Thiều Thị Huyền Trang	120489	5.2				7.75	3.2	**16.2**	195	TAV	12C9
11	Tô Thị Khánh Trang	120490	5.6				8.5	4.8	**18.9**	154	TAV	12C11
12	Vũ Thùy Trang	120491	6.8				7.25	6	**20.1**	133	TAV	12C11
13	Ngô Kiều Trinh	120492	5				7.5		**12.5**	210	TAV	12C8
14	Lê Anh Trình	120493	7.2				7.5	6.2	**20.9**	107	TAV	12C12
15	Lê Thanh Tú	120494									TLH	12C6
16	Lê Văn Tuấn	120495	7				8	3	**18**	169	TAV	12C11
17	Hoàng Thị Mỹ Uyên	120496	7				7.75	5.4	**20.2**	130	TAV	12C5
18	Mai Ngọc Uyên	120497	9.4				8.75	6.6	**24.8**	9	TAV	12C10
19	Nguyễn Thảo Vân	120498	6.4				7.25	4.6	**18.3**	165	TAV	12C9
20	Dương Thị Hà Vi	120499	7.2				8.5	5.4	**21.1**	101	TAV	12C11
21	Đàm Long Vũ	120500	3.6				7.5	5.2	**16.3**	190	TAV	12C9
22	Nguyễn Thị Tường Vy	120501	6.6				7.5	5.2	**19.3**	150	TAV	12C4
23	Bùi Hải Yến	120502	8				8.25	7.4	**23.7**	23	TAV	12C9
24	Đỗ Hải Yến	120503	4.6				7.5	6.2	**18.3**	163	TAV	12C10
25	Phạm Thị Hải Yến	120504	6.6				7.75	2.8	**17.2**	180	TAV	12C8

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 22

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Nguyệt Anh	120505	6				7	3.4	**0**		TAV	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	120506	8.2				7	8.4	**0**		TAV	
3	Đỗ Thùy Dung	120507	7				6.5	8.2	**0**		TAV	
4	Lữ Ngọc Hân	120508	6.2				8.5	5.6	**0**		TAV	
5	Hoàng Ngọc Hiền	120509	6.4				8.75	7.2	**0**		TAV	
6	Vũ Thị Huyền	120510	7.6				8	6	**0**		TAV	
7	Ngô Thị Hằng Nga	120511	7.2				8.75	8.2	**0**		TAV	
8	Hà Phương	120512	8.8				8	6.2	**0**		TAV	
9	Lê Đình Tú	120513	7						**0**		TAV	
10	Lê Văn Tú	120514	5.6						**0**		TAV	
11	Nguyễn Bá Tú	120515	7.6						**0**		TAV	
12	Đặng Khánh Vân	120516	7.6				8	6.8	**0**		TAV	
13	Lê Thị Tình	120517	7.8		7.25			6.4	**0**		THA	
14	Mai Tiến Đạt	120518	9		8.75	9.5			**0**		THS	
15	Phạm Thu Huyền	120519	8.8		5.75	8.5			**0**		THS	
16	Nguyễn Ngọc Tú	120520	3.8		3.5	4.25			**0**		THS	
17	Đỗ Kim Chi	120521	9	7.25				7	**0**		TLA	
18	Lê Thị Khánh Huyền	120522	8.6	7.75				7.6	**0**		TLA	
19	Trịnh Đình Nam	120523	8.8	7.5				7.4	**0**		TLA	
20	Trịnh Quỳnh Anh	120524	8	6.75	7.25				**0**		TLH	
21	Lê Đắc Hải Biên	120525	8.4	7.25	8				**0**		TLH	
22	Lê Thanh Bình	120526	7.2	6.5	8.5				**0**		TLH	
23	Nguyễn Trí Dương	120527	9.4	8	8.75				**0**		TLH	
24	Nguyễn Đức Duy	120528	9.2	7.75	8.75				**0**		TLH	
25	Trần Ngọc Hoa	120529	7.8	5.25	6.75				**0**		TLH	
26	Trương Khánh Huyền	120530	8.6	7.5	8				**0**		TLH	
27	Tào Đăng Khoa	120531	8.8	8	7.75				**0**		TLH	
28	Nguyễn Văn Lâm	120532	8	6.5	6.5				**0**		TLH	
29	Lê Thành Long	120533	9	6.75	7.25				**0**		TLH	
30	Nguyễn Ngọc Mai	120534	8.2	7.25	8				**0**		TLH	
31	Mai Phương Thanh	120535	6	3.75	5.5				**0**		TLH	
32	Trần Thị Thanh	120536	8.2	6	7.5				**0**		TLH	
33	Lê Minh Thiện	120537		8.25	9				**0**		TLH	
34	Đỗ Ngọc Thúy	120538	8.4	6.75	7.25				**0**		TLH	
35	Vũ Thị Trang	120539	8	8.25	7.5				**0**		TLH	
36	Đàm Quang Tùng	120540	7.2	4	3.5				**0**		TLH	
37	Đỗ Đức Trung	120541	9.4	5	9.25	8.5			**0**		TLHS	
38	Nguyễn Thị Thương	120542	8.8	6.5	5.75				**0**		TLH	
39	Lê Thị Vân Khánh	120543	6.4				7	3.6	**0**		TAV	